



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC NAM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Thanh Long	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/04/2013
Ông Phạm Văn Phước	Ủy viên	Miễn nhiệm chủ tịch ngày 15/04/2013
Ông Nguyễn Thọ Diệu	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Phước	Giám đốc
Ông Hoàng Thọ Diệu	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Hiến	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Kim Thu	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Phước
Giám đốc

Nam Định, ngày 18 tháng 02 năm 2014



Số: 644/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/02/2014, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2013, một số khoản tạm ứng có số dư lớn với tổng giá trị 12.691.381.000 VND đã tồn đọng từ lâu chưa thu hồi được, Công ty chưa xem xét khả năng thu hồi để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ tạm ứng này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán đề ngày 19/03/2013 đã đưa ra ý kiến ngoại trừ khoản công nợ tạm ứng 13,8 tỷ đồng do chưa được xem xét khả năng thu hồi để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1450-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2014

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1625 Quyển số: SCT/BS

Ngày 22 tháng 5 năm 2014



[Handwritten signature]

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Nguyệt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		25.908.950.535	38.370.460.571
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.565.246.581	2.650.057.287
1. Tiền	111		4.565.246.581	2.650.057.287
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.558.818.805	13.432.161.922
1. Phải thu khách hàng	131	6	2.535.418.805	9.820.704.922
2. Trả trước cho người bán	132		-	3.523.500.000
3. Các khoản phải thu khác	135		23.400.000	87.957.000
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
III. Hàng tồn kho	140	7	5.872.825.450	6.844.766.062
1. Hàng tồn kho	141		5.872.825.450	6.844.766.062
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.912.059.699	15.443.475.300
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		188.823.936	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	12.723.235.763	15.443.475.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	200		10.467.213.998	10.801.743.311
I. Tài sản cố định	220		8.721.139.498	9.143.333.311
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.357.642.498	6.779.836.311
- Nguyên giá	222		16.854.967.298	16.794.912.424
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.497.324.800)	(10.015.076.113)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.363.497.000	2.363.497.000
- Nguyên giá	228		2.363.497.000	2.363.497.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.658.410.000	1.658.410.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.658.410.000	1.658.410.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		87.664.500	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		87.664.500	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		36.376.164.533	49.172.203.882

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-ĐN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		29.433.401.707	42.302.285.280
I. Nợ ngắn hạn	310		29.433.401.707	42.302.285.280
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	18.663.355.000	36.400.017.000
2. Phải trả người bán	312	13	7.883.327.452	4.573.360.749
3. Người mua trả tiền trước	313	14	930.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.794.040.007	1.105.050.444
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		104.869.450	166.047.289
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.809.798	57.809.798
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		6.942.762.826	6.869.918.602
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	6.942.762.826	6.869.918.602
1. Vốn điều lệ	411		11.875.000.000	11.875.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		541.220.600	541.220.600
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		294.307.591	294.307.591
4. Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(5.767.765.365)	(5.840.609.589)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+ 400)	440		36.376.164.533	49.172.203.882



Phạm Văn Phước
Giám đốc

Nam Định, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Vũ Thị Trác
Kế toán trưởng

Vũ Thị Trác
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	17	168.450.365.095	232.114.497.355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	168.450.365.095	232.114.497.355
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	161.283.783.818	224.364.585.621
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.166.581.277	7.749.911.734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	26.502.813	19.398.189
7. Chi phí tài chính	22	21	3.093.218.449	5.342.512.165
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.093.218.449	5.342.512.165
8. Chi phí bán hàng	24		5.280.376.251	7.640.729.165
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.626.332.658	1.080.953.667
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(2.806.843.268)	(6.294.885.074)
11. Thu nhập khác	31		4.003.675.765	484.041.636
12. Chi phí khác	32		165.330.025	29.766.151
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	3.838.345.738	454.275.485
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.031.502.470	(5.840.609.589)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	958.658.246	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		72.844.224	(5.840.609.589)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	61	(4.918)



Phạm Văn Phước
Giám đốc

Nam Định, ngày 18 tháng 02 năm 2014


Vũ Thị Trác
Kế toán trưởng


Vũ Thị Trác
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	1.031.502.470	(5.840.609.589)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	898.132.408	799.328.500
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(3.864.809.151)	(25.995.674)
Chi phí lãi vay	6	3.093.218.449	5.342.512.165
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	1.158.044.176	275.235.402
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	13.404.758.718	(20.994.120.846)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	971.940.612	25.722.955.215
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.823.978.834	2.916.835.132
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(87.664.500)	404.571.755
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.093.218.449)	(5.253.994.324)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(564.812.193)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.073.865.000	443.843.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.073.865.000)	(443.843.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.177.839.391	2.506.670.141
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(556.127.273)	(548.008.442)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.003.636.363	36.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.502.813	19.398.189
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.474.011.903	(492.246.617)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	83.368.595.000	131.648.895.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(101.105.257.000)	(133.468.333.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(712.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.736.662.000)	(2.531.937.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.915.189.294	(517.513.976)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.650.057.287	3.167.571.263
Tăng/giảm do thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.565.246.581	2.650.057.287



Phạm Văn Phước
Giám đốc

Nam Định, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Vũ Thị Trác
Kế toán trưởng

Vũ Thị Trác
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0703001197 ngày 10/10/2008.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 11.875.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 74 người (tại ngày 31/12/2012 là 80 người).

Công ty có các chi nhánh sau: Chi nhánh tại Giao Thủy, chi nhánh tại thành phố Nam Định.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Mua bán, xuất nhập khẩu lương thực, nông, lâm, thủy hải sản và vật tư nông nghiệp; Xay sát, chế biến lương thực, nông sản, thực phẩm;
- Sản xuất và mua bán thức ăn chăn nuôi, giống cây trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Sản xuất, mua bán hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, vật liệu chất đốt, văn phòng phẩm, vải sợi, hàng may mặc, ô tô, xe máy, thuốc lá, bia, rượu, nước giải khát;
- Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị các loại, vật tư cứu hộ, cứu nạn, dụng cụ thiết bị y tế;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch lữ hành, vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao; Đào tạo dạy nghề.
- Thi công các công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định bằng ô tô;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, bến bãi, kho tàng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ký kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2013, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 2,6 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 5,7 tỷ đồng. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, theo đó ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá được kế hoạch tăng trưởng doanh thu trong thời gian tới, Công ty có thể ra hạn thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn. Do đó, Ban Giám đốc tin tưởng tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi. Công ty vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Vì vậy, Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25/4/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)****Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh toán cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cũng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo).****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05
Thiết bị quản lý	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-ĐN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	666.241.665	408.643.694
Tiền gửi ngân hàng	3.899.004.916	2.241.413.593
	4.565.246.581	2.650.057.287

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	4.620.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNF1	-	41.018.250
Doanh nghiệp tư nhân Thái Huy	1.058.592.000	2.031.750.000
Công ty Hỗ trợ Sản xuất & Xuất nhập khẩu	103.035.750	1.688.830.000
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Hà Nội	439.853.400	925.713.495
Các đối tượng khác	933.937.655	513.393.177
	2.535.418.805	9.820.704.922

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng hoá	5.872.825.450	6.844.766.062
Cộng	5.872.825.450	6.844.766.062
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	5.872.825.450	6.844.766.062

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	12.718.645.763	15.438.885.300
Trần Thị Kim Thu	3.302.151.600	3.302.151.600
Hoàng Thọ Diệu	3.151.366.000	3.151.366.000
Lê Thái Thịnh	3.208.836.300	3.208.836.300
Nguyễn Hồng Lam	1.266.027.100	1.266.027.100
Nguyễn Hữu Hoan	1.000.000.000	1.000.000.000
Nguyễn Minh Tâm	763.000.000	763.000.000
Đối tượng khác	27.264.763	2.747.504.300
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.590.000	4.590.000
	12.723.235.763	15.443.475.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	15.179.486.761	493.933.007	1.089.674.475	31.818.181	16.794.912.424
Xây dựng cơ bản bàn giao	556.127.273	-	-	-	556.127.273
Thanh lý nhượng bán	(319.163.000)	(96.423.007)	-	-	(415.586.007)
Giảm khác	(80.486.392)	-	-	-	(80.486.392)
Tại ngày 31/12/2013	15.335.964.642	397.510.000	1.089.674.475	31.818.181	16.854.967.298
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	8.731.960.308	447.124.418	812.392.342	23.599.045	10.015.076.113
Khấu hao trong năm	807.379.639	6.760.520	79.882.680	4.109.569	898.132.408
Thanh lý nhượng bán	(257.186.894)	(86.459.997)	-	-	(343.646.891)
Giảm khác	(72.236.830)	-	-	-	(72.236.830)
Tại ngày 31/12/2013	9.209.916.223	367.424.941	892.275.022	27.708.614	10.497.324.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	6.447.526.453	46.808.589	277.282.133	8.219.136	6.779.836.311
Tại ngày 31/12/2013	6.126.048.419	30.085.059	197.399.453	4.109.567	6.357.642.498

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn sử dụng là 247.730.028 đồng.

Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã mang đi thế chấp cho các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn tại xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, An Giang.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNFI bằng giá trị tài sản trên đất và lợi thế kinh doanh tại số 1 Bến Ngự, thành phố Nam Định. Ban Giám đốc Công ty đã xem xét giá trị dự phòng cần trích lập đối với khoản đầu tư này và đánh giá giá trị dự phòng đó không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam [1]	18.419.230.000	36.148.200.000
- Cá nhân và tổ chức khác	244.125.000	231.817.000
	<u>18.663.355.000</u>	<u>36.400.017.000</u>

Ghi chú: [1] Hợp đồng tín dụng số 0808/2013-HĐTDHM/NHCT382-LTND ngày 08/08/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Nam Định. Hạn mức vay 45.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa không quá 04 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản cố định của Công ty.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	7.000.000.000	587.250.000
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNFI	413.827.452	237.517.500
Công ty TNHH Đại Tấn	-	1.702.740.000
Công ty TNHH DVTM Thái Sơn	-	1.922.807.250
Các đối tượng khác	469.500.000	123.045.999
	<u>7.883.327.452</u>	<u>4.573.360.749</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bì Na Da	930.000.000	-
	<u>930.000.000</u>	<u>-</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	835.381.761	1.063.219.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	958.658.246	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	673.550
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	41.157.000
	<u>1.794.040.007</u>	<u>1.105.050.444</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyêt minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Số dư tại ngày 01/01/2012	Lợi nhuận trong năm	Trích các quỹ	Phân phối lợi nhuận	Số dư tại ngày 01/01/2013	Lợi nhuận trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2013
Vốn điều lệ	11.875.000.000	-	-	-	11.875.000.000	-	11.875.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	450.518.873	-	90.701.727	52.464.914	294.307.591	-	541.220.600
Quỹ dự phòng tài chính	241.842.677	-	-	52.464.914	294.307.591	-	294.307.591
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	605.071.130	(5.840.609.589)	-	605.071.130	(5.840.609.589)	72.844.224	(5.767.765.365)
Tổng cộng	13.172.432.680	(5.840.609.589)	143.166.641	605.071.130	6.869.918.602	72.844.224	6.942.762.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-ĐN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty

	Đơn vị tính	31/12/2013	01/01/2013
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	cổ phiếu	1.187.500	1.187.500
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	cổ phiếu	1.187.500	1.187.500
+ Mệnh giá của cổ phiếu	đồng/ cổ phiếu	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	cổ phiếu	1.187.500	1.187.500

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đã góp			
	31/12/2013		01/01/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	9.341.700.000	78,67%	9.341.700.000	78,67%
Vốn góp của các cổ đông khác	2.533.300.000	21,33%	2.533.300.000	21,33%
Tổng cộng	11.875.000.000	100,00%	11.875.000.000	100,00%

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013		Năm 2012	
	VND		VND	
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.450.365.095		232.114.497.355	
Doanh thu bán hàng	163.232.576.309		230.146.754.069	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.217.788.786		1.967.743.286	
	168.450.365.095		232.114.497.355	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.450.365.095		232.114.497.355	

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013		Năm 2012	
	VND		VND	
Giá vốn hàng bán	158.429.794.439		223.711.591.779	
Giá vốn dịch vụ	2.853.989.379		652.993.842	
	161.283.783.818		224.364.585.621	

19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013		Năm 2012	
	VND		VND	
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.130.691		498.855.118	
Chi phí nhân công	3.663.836.931		3.744.782.042	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	330.197.675		345.008.658	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.563.932.101		2.981.758.345	
Chi phí khác	1.194.611.511		1.151.278.669	
	6.906.708.909		8.721.682.832	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.502.813	19.398.189
	26.502.813	19.398.189

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.093.218.449	5.342.512.165
	3.093.218.449	5.342.512.165

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ phân bổ lợi thế thương mại	-	417.678.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	4.003.636.363	36.363.636
Các khoản khác	39.400	30.000.000
Thu nhập khác	4.003.675.763	484.041.636
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và chi phí thanh lý	165.330.025	29.766.151
Chi phí khác	165.330.025	29.766.151
Lợi nhuận khác	3.838.345.738	454.275.485

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.031.502.470	(5.840.609.589)
Thu nhập từ chuyển nhượng Bất động sản	3.834.632.985	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.834.632.985	(5.840.609.589)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	958.658.246	-

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (1)	72.844.224	(5.840.609.589)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (2)	1.187.500	1.187.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1) / (2)	61	(4.918)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các sổ dư và giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

Sổ dư với các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	31/12/2013	31/12/2012
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	-	4.620.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNFI	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	-	41.018.250
Phải trả người bán			
Tổng công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	7.000.000.000	587.250.000
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNFI	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	413.827.452	237.517.500

Giao dịch với các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	45.272.064.000	56.342.307.500
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNFI	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	-	959.508.589
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	9.184.800.000	2.720.000.000
Công ty Cổ phần Vinafood 1 Sơn La	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	-	4.176.060.000
Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	-	223.000.000
Công ty Cổ phần Lương thực Ninh Bình	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	-	1.541.309.520
Công ty Cổ phần XNK Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	-	471.340.000
Mua hàng và dịch vụ			
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	53.442.649.047	87.148.164.159
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNFI	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	617.993.602	659.263.804
Công ty Cổ phần Lương thực Ninh Bình	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	-	1.094.270.000
Công ty Liên doanh Chế biến và Xuất khẩu Gạo	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ	3.914.217.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm 2013
	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	221.913.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.565.246.581	-	2.650.057.287	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.558.818.805	-	9.908.661.922	-
Đầu tư dài hạn	1.658.410.000	-	1.658.410.000	-
	<u>8.782.475.386</u>	<u>-</u>	<u>14.217.129.209</u>	<u>-</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			18.663.355.000	36.400.017.000
Phải trả người bán, phải trả khác			7.988.196.902	4.739.408.038
			<u>26.651.551.902</u>	<u>41.139.425.038</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng, Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.565.246.581	-	-	4.565.246.581
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.558.818.805	-	-	2.558.818.805
Đầu tư dài hạn	1.658.410.000	-	-	1.658.410.000
	<u>8.782.475.386</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.782.475.386</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.650.057.287	-	-	2.650.057.287
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.908.661.922	-	-	9.908.661.922
Đầu tư dài hạn	1.658.410.000	-	-	1.658.410.000
	<u>14.217.129.209</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.217.129.209</u>

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tình không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	18.663.355.000	-	-	18.663.355.000
Phải trả người bán, phải trả khác	7.988.196.902	-	-	7.988.196.902
	<u>26.651.551.902</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.651.551.902</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	36.400.017.000	-	-	36.400.017.000
Phải trả người bán, phải trả khác	4.739.408.038	-	-	4.739.408.038
	<u>41.139.425.038</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>41.139.425.038</u>

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.



Phạm Văn Phước
Giám đốc

Nam Định, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Vũ Thị Trác

Kế toán

Vũ Thị Trác

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 1625 Duyệt số 01 SGT/BS

Ngày 18 tháng 02 năm 2014



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Nguyệt